TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2019/DS-ST
Ngày 27-11-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử bổ sung số: 361/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 340/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Minh K** – sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp 3, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Phạm Thị D** – sinh năm 1976. Địa chỉ: Khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2019 và tại phiên tòa, bà Lê Minh K trình bày:

Ngày 25/02/2016, bà có cho ông N vay với số tiền là 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24K. Việc vay tiền được các bên làm biên nhận viết tay do ông N viết và ký tên, các bên có thỏa thuận ông N sẽ trả cho bà số tiền và vàng nêu trên vào tháng 5 năm 2016. Tuy nhiên, khi thời hạn thỏa thuận đã đến nhưng ông N không thực hiện theo thỏa thuận, bà đã nhiều lần yêu cầu ông N trả bà số tiền và vàng nêu trên nhưng ông N không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu phía bị đơn trả cho bà tiền vốn vay là 04 chỉ vàng 24K và 13.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh đối với số

tiền vay từ thời điểm vay cho đến nay tính theo lãi suất ngân hàng với số tiền là 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ngày 30/9/2019, ông Trần Văn N trình bày:

Ông không thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, ông thừa nhận biên nhận nợ như nguyên đơn trình bày, ông là người viết và ký tên, thừa nhận nội dung biên nhận là đúng. Tuy nhiên, ông cho rằng vợ ông là bà D đã trả xong số tiền 13.000.000 đồng cho bà K nên hiện tại ông chỉ đồng ý trả nguyên đơn 04 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả 13.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh như yêu cầu nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Phạm Thị D không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn N có nơi cư trú tại khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà K là người khởi kiện, ông N là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự bà K là nguyên đơn, ông N là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị D, ông Trần Văn N đã được tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D, ông N theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà K xác định vào năm 2016 có cho phía ông N vay với số tiền 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24K, có làm giấy biên nhận do ông N tự viết và ký tên. Từ thời điểm vay tiền cho đến nay bà có yêu cầu bị đơn trả nợ cho bà nhưng bị đơn hứa hẹn mà không thực hiện. Tại phiên tòa ngày 30/9/2019, ông N thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền và vàng nêu trên cũng như thừa nhận thời gian vay của các bên, ông xác định đây là nợ của riêng ông, không liên quan đến bà D, nếu phát sinh nghĩa vụ trả nợ, ông sẽ thực hiện việc trả nợ mà không yêu cầu người khác cùng liên đới thực hiện. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn 04 chỉ vàng 24K, không đồng ý trả số tiền 13.000.000 đồng và lãi phát sinh theo yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy việc vay nợ của các bên là có thật được bị đơn thừa nhận, có lập thành biên nhận viết tay do bị đơn viết và ký tên và được các bên thừa nhận biên nhận, bị đơn xác định đã trả cho nguyên đơn xong số tiền nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả xong số tiền nêu trên, bị đơn xác định việc vay nợ là do bị đơn tự thực hiện nên không yêu cầu trách

nhiệm liên đới trả nợ đối với người khác trong trường hợp buộc phải trả khoảng nợ cho nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 13.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 24K.

[3] Xét về yêu cầu tính lãi bà K: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định phát sinh từ thời điểm vay nợ ngày 25/2/2016 cho đến ngày xét xử tính trên số tiền vay. Xét thấy, do có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền vay 13.000.000 đồng và nguyên đơn có yêu cầu về lãi suất theo lãi suất ngân hàng Nhà nước nên cần xem xét nghĩa vụ trả lãi của bị đơn đối với nguyên đơn là phù hợp. Do các bên có tranh chấp về lãi suất và nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nên cần lấy mức lãi suất 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) là phù hợp với lãi suất vay Ngân hàng hiện nay để làm căn cứ tính lãi suất. Thời gian tính lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 40 tháng tính từ ngày nhận nợ 25/5/2016 (vẫn thấp hơn so với thời gian 42 tháng tính từ ngày25/5/2016 đến ngày xét xử vụ án), tuy nhiên đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên cần được chấp nhận. Do đó, số tiền lãi cụ thể là: 13.000.000 đồng x 0,83% x 40 tháng = 4.316.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là 4.000.000 đồng, điều này có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Lê Minh K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Buộc ông Trần Văn N có trách nhiệm trả cho bà Lê Minh K 04 chỉ vàng 24K, số tiền là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng (trong đó, tiền vốn là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 4.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, ông Trần Văn N phải chịu 1.684.000 đồng. (Lấy giá vàng được công bố tại thời điểm xét xử ở mức 4.170.000 đồng/chỉ làm căn cứ tính án phí). Bà Lê Minh K không chịu án phí, bà có dự nộp tiền tạm ứng án phí là 839.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003382 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án xử công khai, bà Lê Minh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn N, bà Phạm Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp